TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63/**2026/HS-ST
Ngày: 23-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Việt Hùng

Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 150/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1989, tại xã A, tỉnh An Giang; tên gọi khác: T; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: ấp X, xã A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1968; vợ: Chị Trần Diệu H (Chưa đăng ký kết hôn); tiền sự: Ngày 07 tháng 10 năm 2025 Công an xã A, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy 1.500.000 đồng, theo Quyết định số: 41/QĐ-XPHC, đã nộp phạt theo biên lai số: 3517875, số sêri: KG1152225 ngày 07 tháng 10 năm 2025; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 08 tháng 02 năm 2026, tạm giam ngày 14 tháng 02 năm 2026 cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại*: Chị Bùi Ngọc Tố L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2008 (vắng mặt);

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại chị Bùi Ngọc Tố L*: Bà Lê Thị Kim

L1, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1987 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà A, ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại chị Bùi Ngọc Tố L*: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1987, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Hà Trí B, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2003 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khu phố M, xã C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 07 tháng 02 năm 2026, bị cáo Phạm Văn T (T), thường trú ở ấp X, xã A, tỉnh An Giang, sau khi uống bia (nhậu) tại nhà anh Lê Vũ L2 ở cùng ấp, cách nhà bị cáo khoảng 100 mét thì bị cáo đi bộ về nhà, khi đi ngang quán K1 thuộc ấp X, xã A, tỉnh An Giang bị cáo thấy có nhiều xe mô tô đậu ở trước sân quán Karaoke, không rõ bao nhiêu chiếc, trong đó có một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki, màu đen, trên xe có gắn sẵn chìa khóa, bị cáo không để ý và không nhớ biển số có được gắn trên xe hay không, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, bị cáo lén lút đi vào mở chìa khóa xe nhãn hiệu Suzuki, biển số kiểm soát 68C1-383.14, khởi động xe chạy đến ngã ba T thuộc ấp Đ, xã Đ, tỉnh An Giang rồi quay xe lại chạy về hướng ấp X; khi về đến đoạn đường Thứ 6 thuộc ấp Đ, xã Đ, tỉnh An Giang thì va chạm với xe ô tô 04 chỗ chạy cùng chiều. Sau đó thì lực lượng Công an đến hiện trường giải quyết vụ việc và chủ xe ô tô 04 chỗ không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Đối với bị cáo không xuất trình được giấy đăng ký xe và giấy tờ tùy thân, chiếc xe chạy không có biển số, nghi ngờ bị cáo Phạm Văn T trộm cắp xe mô tô nên lực lượng Công an mời bị cáo về trụ sở làm việc thì bị cáo khai nhận hành vi vừa trộm cắp xe tại quán K1. Qua xác minh điều tra, sau khi bị cáo Phạm Văn T trộm cắp xe chạy đi, chủ sở hữu chiếc xe nhãn hiệu Suzuki là chị Bùi Ngọc Tố L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2008, thường trú tại: Số nhà A, ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long điều khiển đến quán K1 đậu xe trước quán, chìa khóa vẫn gắn trên xe, rồi đi vào bên trong quán, sau đó ra lấy xe phát hiện xe bị mất nên đến Công an xã A, tỉnh An Giang trình báo vụ việc. Đối với

biển kiểm soát 68C1-383.14, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh A đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm gặp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản xã A, tỉnh An Giang kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đen, số máy CGA1-505753, số khung RLSDL11ANHV105754 đã qua sử dụng, kết luận về giá tài sản của Hội đồng là 15.000.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh A đã tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đen, số máy CGA1-505753, số khung RLSDL11ANHV 105754, không gắn biển kiểm soát, đã qua sử dụng; 01 cái áo thun, loại áo thể thao, tay ngắn, cái áo màu đỏ, sọc đen, phía sau lưng áo có số 11; 01 cái quần thun ngắn màu đỏ. Sau khi định giá xong chiếc xe, ngày 06 tháng 5 năm 2026, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh A đã tiến hành trả lại cho chị Bùi Ngọc Tố L 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đen, số máy CGA1-505753, số khung RLSDL11ANHV105754, không gắn biển kiểm soát, đã qua sử dụng.

Tại Cáo trạng số: 23/CT-VKSHAB ngày 04 tháng 6 năm 2026, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang truy tố bị cáo Phạm Văn T (T1) về tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 cái áo thun, loại áo thể thao, tay ngắn, cái áo màu đỏ, sọc đen, phía sau lưng áo có số 11; 01 cái quần thun ngắn màu đỏ, bị cáo Phạm Văn T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, không yêu cầu nhận lại, do không còn giá trị sử dụng. Về trách nhiệm dân sự, bị hại chị Bùi Ngọc Tố L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Trí B đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản thiệt hại gì nên không xem xét.

Tại phiên toà:

- Kiểm sát viên kết luận và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn T (T1) từ 06 đến 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Về trách nhiệm dân sự, bị hại chị Bùi Ngọc Tố L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Trí B đã nhận lại tài sản 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đen, số máy CGA1-505753, số

khung RLSDL11ANHV105754, không gắn biển kiểm soát, đã qua sử dụng, không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản thiệt hại gì nên không xem xét.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 cái áo thun, loại áo thể thao, tay ngắn, cái áo màu đỏ, sọc đen, phía sau lưng áo có số 11; 01 cái quần thun ngắn màu đỏ, bị cáo Phạm Văn T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, không yêu cầu nhận lại, do không còn giá trị sử dụng.

- Bị cáo Phạm Văn T (T1) thừa nhận hành vi thực hiện như cáo trạng đã nêu và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về lo cho gia đình.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại chị Bùi Ngọc Tố L thống nhất theo đề nghị vủa Kiểm sát viên, không có yêu cầu bị cáo bồi thường cho người bị hại khoản thiệt hại gì; về trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt bị cáo một mức án tương xứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh A, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T (Tèo) khai nhận đã thực hiện hành vi như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trước đó tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ 10 phút, ngày 07 tháng 02 năm 2026, sau khi bị cáo uống bia (nhậu) tại nhà anh Lê Vũ L2, cách nhà bị cáo khoảng 100 mét, bị cáo đi bộ về nhà, đi ngang quán K1 thuộc ấp X, xã A, tỉnh An Giang, bị cáo thấy có một

chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki, màu đen, trên xe có gắn sẵn chìa khóa, bị cáo không để ý và không nhớ biển số, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp, bị cáo lén lút đi vào mở chìa khóa xe nhãn hiệu Suzuki, biển số kiểm soát 68C1-383.14, khởi động xe chạy đi, va chạm với xe ô tô 04 chỗ chạy cùng chiều; sau đó thì lực lượng Công an đến hiện trường giải quyết vụ việc và chủ xe ô tô 04 chỗ không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Đối với bị cáo không xuất trình được giấy đăng ký xe và giấy tờ tùy thân, chiếc xe chạy không có biển số, nghi ngờ bị cáo trộm cắp xe mô tô nên lực lượng Công an mời bị cáo về trụ sở làm việc thì bị cáo khai nhận hành vi vừa trộm cắp xe tại quán K1; tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản xã A, tỉnh An Giang kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đen, số máy CGA1-505753, số khung RLSDL11ANHV105754 đã qua sử dụng, kết luận về giá tài sản của Hội đồng là 15.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định được, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp từ điểm a đến điểm đ thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T (T) là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, lợi dụng chủ sở hữu tài sản không cảnh giác, không người trông côi, bị cáo lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Bùi Ngọc Tố L, để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; bị cáo rất xem thường pháp luật, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, xử phạt bị cáo một mức án để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội; biết tôn trọng bảo vệ tài sản hợp pháp của người khác và cũng nhằm ngăn ngừa chung trong xã hội thực hiện hành vi tương tự bị cáo.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát

viên, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài đề nghị của Kiểm sát viên, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi đã trả lại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị hại chị Bùi Ngọc Tố L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Trí B đã nhận lại tài sản 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đen, số máy CGA1-505753, số khung RLSDL11ANHV105754, không gắn biển kiểm soát, đã qua sử dụng, không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản thiệt hại gì nên không xem xét.

[4] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ các đồ vật, vật chứng gồm: 01 cái áo thun, loại áo thể thao, tay ngắn, cái áo màu đỏ, sọc đen, phía sau lưng áo có số 11; 01 cái quần thun ngắn màu đỏ, bị cáo Phạm Văn T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, không yêu cầu nhận lại, do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 6 năm 2026).

[5] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T (T1) phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T (T1) 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình tù tính kể từ ngày bị tạm giữ ngày 08 tháng 02 năm 2026.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị hại chị Bùi Ngọc Tố L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Trí B đã nhận lại tài sản 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đen, số máy CGA1-505753, số khung RLSDL11ANHV105754, không gắn biển kiểm soát, đã qua sử dụng, không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản thiệt hại gì nên không xem xét.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 cái áo thun, loại áo thể thao, tay ngắn, cái áo màu đỏ, sọc đen, phía sau lưng áo có số 11; 01 cái quần thun ngắn màu đỏ, bị cáo Phạm Văn T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 6 năm 2026).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T (T1) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 23 tháng 6 năm 2026. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phân Trại tạm giam U Minh Thượng - Cơ sở 3, Trại giam số 2 Công an tỉnh An Giang và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án (Vũ Linh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo